TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2026/DS-ST
Ngày 24 - 6 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Thạch Thanh Tâm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tiêu Thanh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2026/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Hoàng M; sinh ngày: 01/01/1979; căn cước công dân số 094079002404. Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện nay: Ấp C, xã A, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Mộng T; sinh ngày 08/3/1981; căn cước công dân 094181005159. Địa chỉ: Ấp C, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 04 năm 2026, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trương Hoàng M trình bày*:*

Ngày 26/9/2023, ông Trương Hoàng M có cho chị Trần Thị Mộng T vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 26/10/2023, nhưng đến nay đã quá hạn mà vẫn không thanh toán nợ cho ông M, ông M đã đòi nhiều lần nhưng bà T không chịu trả.

Lãi suất, tính theo lãi suất Ngân hàng từ ngày 26/9/2023 đến ngày 07/4/2026, tổng cộng là 34 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền: 15.000.000 đồng x 1,66% x 34 tháng = 8.160.000 đồng. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc chị Trần Thị Mộng T phải trả cho ông M số tiền vay gốc và lãi là 23.160.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/4/2026, ông M đã thay đổi thời gian tính lãi đối với khoản vay, cụ thể ông M yêu cầu tính lãi từ khi nộp đơn khởi kiện chị T1 Tòa án vào ngày 21/7/2025, ông M bắt đầu yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2025 đến khi Tòa án xét xử, mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm, tạm tính đến ngày hòa giải 28/4/2026 là 08 tháng 27 ngày, thành tiền là 1.108.050 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 16.108.050 đồng, làm tròn là 16.100.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T thanh toán nợ gốc 15.000.000 đồng và tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/8/2025 cho đến ngày xét xử ngày 24/6/2026 là 10 tháng 23 ngày, tính thành tiền là 1.340.450 đồng, ông M đồng ý làm tròn tiền lãi 1.340.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 16.340.000 đồng.

- Bị đơn chị Trần Thị Mộng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do và chị T không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa chị T vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp C, xã A, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ theo Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn chị Trần Thị Mộng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là chị Trần Thị Mộng T phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 15.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/8/2025 cho đến ngày xét xử ngày 24/6/2026 là 10 tháng 23 ngày, tính thành tiền là 1.340.450 đồng, ông M đồng ý làm tròn là 1.340.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 16.340.000 đồng.

[5] Xét hiệu lực của hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Hoàng M1 và chị Trần Thị Mộng T: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông M1 đã nộp cho Tòa án văn bản là bản chính Tờ giấy tập học sinh ghi nội dung "*Tôi tên Trần Thị Mộng T, tôi có mượn tiền của anh M1 là số tiền 15.000.000 đồng, viết bằng chữ là mười lăm triệu đồng chẳng. Tôi hứa với anh M1 một tháng. Hôm nay ngày 26.09.2023 tới ngày 26.10.2023 trả đủ số tiền của anh M1, tôi mượn của anh M1 là đúng ngày. Tôi làm giấy này, ký tên T – Trần Thị Mộng T"*. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 76/TB-TLVA, ngày 10/4/2026 cho chị T, chị T là người trực tiếp nhận văn bản. Sau khi nhận văn bản chị T không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, chị T là bị đơn và là người có nghĩa vụ ảnh hưởng trực tiếp từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sau khi nhận được thông báo của Tòa án không có ý kiến gì, nguyên đơn đã nộp được văn bản chứng minh có giao kết hợp đồng vay tiền với chị T. Do đó, có căn cứ xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tiền, số tiền vay là 15.000.000 đồng, không có lãi, thời gian thanh toán nợ vay vào ngày 26/10/2023. Tại thời điểm xác lập hợp đồng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 119 và 398 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại tiền vay gốc 15.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[7] Xét yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán đối với nợ gốc 15.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/8/2025 cho đến ngày xét xử ngày 24/6/2026 là 10 tháng 23 ngày, tính thành tiền là 1.340.450 đồng, làm tròn 1.340.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên có thỏa thuận thời gian thanh toán nợ vào ngày 26/9/2023, tuy nhiên đến nay chị T vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc cho nguyên đơn. Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự, về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: "*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền*

thì bên đó phải trả lại đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này; không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này". Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định "*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật sự quy định là 20%/năm.

[8] Như vậy, theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, thì bị đơn vị phạm nghĩa vụ thanh toán, nhưng các bên không có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán với nhau, thì nguyên đơn được yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm thanh toán là 50% của mức lãi suất 20%/năm: là 10%/năm. Bị đơn đã vi phạm từ ngày 26/9/2023, nhưng nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 01/8/2025 là có lợi cho bị đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả lãi chậm thanh toán của nguyên đơn, thời gian tính lãi từ 01/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24/6/2026, với số tiền lãi là 1.340.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[9] Từ phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hoàng M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị Trần Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự là 815.000 đồng theo quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các 117, 119, 357, 398, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 17 Luật và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoàng M.

1. Buộc chị Trần Thị Mộng T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trương Hoàng M số tiền 16.340.000 đồng (mười sáu triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 817.000 đồng (tám trăm mười bảy nghìn đồng); Ông Trương Hoàng M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 579.000 đồng (năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006313, ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo bản án: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan